

THÔNG BÁO

V/v Xét điều kiện dự thi tốt nghiệp lớp đại học K6B1-LTTC-QLDD-TRA VINH hệ vừa làm vừa học (Kỳ thi ngày 22, 23/09/2018)

Căn cứ Quyết định 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học, cao đẳng theo hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ Kết luận cuộc họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp kỳ thi ngày 22-23/09/2018,

Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo như sau:

Có 44 sinh viên đủ điều kiện về điểm học tập nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính trước 10h ngày 22/09/2018. Trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, nhà trường sẽ bố trí vào đợt thi phù hợp khác. *(có danh sách kèm theo)*.

Đề nghị các Khoa chuyên môn, các đơn vị liên kết có liên quan theo dõi, thông báo đến sinh viên biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Khoa chuyên môn;
- Các đơn vị liên kết;
- Website;
- Lưu ĐT, VT.



Mai Hải Châu

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ MẶT HỌC TẬP
NHUNGA CHU HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH LỚP K6B1-LTTC-QLDD-TRA VINH**

(Kèm theo thông báo số 19/TB-PHĐHLN-ĐT ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm Nghiệp)

| STT | Mã sinh viên | Họ Đệm | Tên | Lớp quản lý | Ngày sinh | Giới tính | Nơi sinh |
|-----|--------------|-----------------|--------|-------------------------|------------|-----------|-----------|
| 1 | 16B850103045 | Nguyễn Trọng | Cầu | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 19/09/1983 | Nam | Trà Vinh |
| 2 | 16B850103046 | Nguyễn Văn | Chiến | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/01/1982 | Nam | Vĩnh Long |
| 3 | 16B850103047 | Dương Toàn | Chung | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 15/09/1988 | Nam | Sóc Trăng |
| 4 | 16B850103049 | Cao Nguyễn Quốc | Cường | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/01/1989 | Nam | Trà Vinh |
| 5 | 16B850103050 | Lý Thị | Duyên | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 10/07/1992 | Nữ | Trà Vinh |
| 6 | 16B850103051 | Nguyễn Hải | Đào | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 20/07/1974 | Nam | Sóc Trăng |
| 7 | 16B850103052 | Nguyễn Tấn | Đạt | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 12/10/1981 | Nam | Hậu Giang |
| 8 | 16B850103054 | Trần Thu | Hà | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/11/1981 | Nữ | Sóc Trăng |
| 9 | 16B850103055 | Dương Kim | Hải | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 12/11/1994 | Nam | Sóc Trăng |
| 10 | 16B850103056 | Bùi Thị | Hiếu | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 18/04/1981 | Nữ | Trà Vinh |
| 11 | 16B850103057 | Ngô Văn | Hưng | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 03/08/1979 | Nam | Hải Dương |
| 12 | 16B850103058 | Huỳnh Ngọc | Hường | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 09/10/1989 | Nam | Bến Tre |
| 13 | 16B850103060 | Mai Công | Khanh | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 28/10/1984 | Nam | Trà Vinh |
| 14 | 16B850103061 | Đặng Hữu | Khánh | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 10/10/1983 | Nam | Sóc Trăng |
| 15 | 16B850103062 | Nguyễn Minh | Khởi | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 20/04/1978 | Nam | Trà Vinh |
| 16 | 16B850103064 | Phan Văn | Lộc | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/01/1984 | Nam | Trà Vinh |
| 17 | 16B850103065 | Huỳnh Thanh | Mộng | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 08/03/1984 | Nam | Sóc Trăng |
| 18 | 16B850103066 | Trương Thành | Nam | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 13/07/1983 | Nam | Trà Vinh |
| 19 | 16B850103068 | Trần Kim | Nguyên | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 30/04/1984 | Nam | Sóc Trăng |
| 20 | 16B850103069 | Phạm Văn | Nhật | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 06/09/1984 | Nam | Trà Vinh |
| 21 | 16B850103070 | Lê Hoàng | Phong | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 11/10/1985 | Nam | Sóc Trăng |
| 22 | 16B850103071 | Phan Thị Linh | Phụng | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 11/02/1989 | Nữ | Sóc Trăng |
| 23 | 16B850103072 | Tăng Thị | Quyền | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 11/11/1990 | Nữ | Sóc Trăng |
| 24 | 16B850103073 | Sơn Thị | Saby | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 30/04/1982 | Nữ | Trà Vinh |
| 25 | 16B850103074 | Phạm Văn | So | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 07/02/1987 | Nam | Sóc Trăng |
| 26 | 16B850103076 | Nguyễn Chí | Thanh | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 10/01/1987 | Nam | Trà Vinh |
| 27 | 16B850103077 | Đặng Thanh | Thảo | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 15/03/1984 | Nữ | Cửu Long |
| 28 | 16B850103078 | Trần Văn | Thảo | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 16/02/1986 | Nam | Sóc Trăng |
| 29 | 16B850103079 | Nguyễn Kim | Thoa | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 02/06/1988 | Nữ | Bến Tre |
| 30 | 16B850103080 | Bùi Hiếu | Thừa | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 16/06/1985 | Nam | Trà Vinh |
| 31 | 16B850103082 | Ngô Như | Toàn | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 16/12/1988 | Nữ | Bến Tre |
| 32 | 16B850103083 | Lê Văn | Tông | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/01/1971 | Nam | Trà Vinh |
| 33 | 16B850103084 | Sơn Minh | Trạng | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 01/01/1986 | Nam | Cửu Long |
| 34 | 16B850103085 | Trương Sỹ | Triết | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 25/06/1987 | Nam | Trà Vinh |
| 35 | 16B850103086 | Nguyễn Đắc | Trọng | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 03/02/1992 | Nam | Sóc Trăng |
| 36 | 16B850103087 | Cô Nhật | Trường | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 24/10/1988 | Nam | Trà Vinh |
| 37 | 16B850103089 | Tạ Quốc | Trường | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 04/02/1984 | Nam | Cần Thơ |
| 38 | 16B850103090 | Lê Phú | Tuấn | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 13/02/1985 | Nam | Bến Tre |
| 39 | 16B850103092 | Trương Thị Ánh | Tuyết | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 27/04/1991 | Nữ | Trà Vinh |
| 40 | 16B850103093 | Nguyễn Quốc | Việt | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 14/07/1982 | Nam | Sóc Trăng |
| 41 | 16B850103094 | Dương Quang | Vinh | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 18/01/1982 | Nam | Trà Vinh |
| 42 | 16B850103095 | Trần Thái | Xuân | K6B1_LTTC_QLDD_Trà Vinh | 08/03/1986 | Nam | Sóc Trăng |
| 43 | 15B340301110 | Nguyễn Tuấn | Anh | K6A2_LTTC_KT_GN | 25/04/1990 | Nam | Đắk Lắk |
| 44 | 15B340301125 | Nguyễn Chí | Tinh | K6A2_LTTC_KT_GN | 27/05/1978 | Nam | Sơn La |